

- Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu, lìa tướng thọ trì tịnh giới, nghĩa là thuộc về Thánh đạo vô lậu đạt được tự nhiên, giới hoàn toàn thanh tịnh. Tịnh giới như vậy không khuyết, không rỉ chảy, không tì vết, không dơ bẩn, không chấp trước vật gì, đáng được nhận cúng dường, được người trí khen ngợi. Nhờ tịnh giới đây không chấp thủ tất cả các pháp, nghĩa là không chấp thủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không chấp thủ nhãn xứ cho đến ý xứ; không chấp thủ sắc xứ cho đến pháp xứ; không chấp thủ nhãn giới cho đến ý giới; không chấp thủ sắc giới cho đến pháp giới; không chấp thủ nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không chấp thủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không chấp thủ các dòng họ lớn như Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ; không chấp thủ trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại; không chấp thủ trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh; không chấp thủ trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tướng phi tướng xứ; không chấp thủ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không chấp thủ ngôi vị chuyển luân vương và các ngôi vị tiểu vương, tể quan khác, chỉ đem công đức của việc thọ trì giới cho các hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Lúc hồi hướng vị ấy dùng vô tướng, vô sở đắc, không hai làm phương tiện, dùng pháp chẳng có tướng có sở đắc, có hai làm phương tiện, chỉ do thế tục, không do thắng nghĩa, nhờ nhân duyên này tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Nhờ phương tiện thiện xảo tịnh giới Ba-la-mật-đa này, Đại Bồ-tát phát sanh bốn phần tịnh lự thắng tân, nhờ không đắm nhiễm làm phương tiện nên vị ấy phát sanh các thần thông. Đại Bồ-tát này dùng thiên nhãn thanh tịnh từ thân đi thực thường thấy chư Phật hiện tại ở vô số thế giới khắp mười phương an ổn trụ trì, giảng nói chánh pháp cho các hữu tình cho đến khi chứng đắc trí nhất thiết trí; vị ấy cũng không quên việc đã thấy. Đại Bồ-tát này dùng thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn người thường, nghe chư Phật ở vô số thế giới khắp mười phương thuyết pháp. Cho đến lúc chứng đắc trí nhất thiết trí, vị ấy cũng không quên pháp đã được nghe và đem pháp đã nghe làm việc lợi ích cho mình và người không để uổng phí.

Đại Bồ-tát này dùng tha tâm trí có thể biết tâm và tâm sở pháp của chư Phật và các hữu tình ở khắp mười phương. Sau khi đã biết, vị ấy làm việc lợi ích cho tất cả hữu tình.

Đại Bồ-tát này dùng túc trụ trí, biết nghiệp mà các hữu tình đã tạo trước đây. Do nghiệp đã tạo không bị mất nên họ sanh nơi nào đều chịu các khổ vui. Biết rồi, vị ấy nói nhân duyên bốn nghiệp giúp họ nhớ lại và làm việc lợi ích.

Đại Bồ-tát này dùng lậu tận trí an lập hữu tình giúp họ trụ vào quả Dự lưu, hoặc giúp trụ vào quả Nhất lai, hoặc giúp trụ vào quả Bất hoàn, hoặc giúp trụ vào quả A-la-hán, hoặc giúp trụ vào quả Độc giác Bồ-đề, hoặc giúp trụ vào ngôi vị thù thắng của Bồ-tát, hoặc giúp trụ vào trí nhất thiết trí.

Tóm lại mà nói, Đại Bồ-tát này dù sanh ở chỗ nào cũng tùy theo khả năng khác nhau của hữu tình mà tìm cách giúp họ trụ vào phẩm vị thù thắng.

Thế nên Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhờ năng lực vô lậu lià các tướng nên Đại Bồ-tát này có thể ở trong pháp vô tướng vô tác làm viên mãn tịnh giới Ba-la-mật-đa, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu, ly tướng để tu an nhẫn. Trong thời gian từ lúc Đại Bồ-tát ấy mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, giả sử tất cả hữu tình đều đem các loại dao gậy, ngói, gạch đua nhau đến làm hại thì Đại Bồ-tát ấy không sanh một tâm niệm giận hờn. Khi ấy, Bồ-tát nên tu hai loại nhẫn. Những gì là hai? Một là phải nhận tất cả sự mạ nhục, làm hại của hữu tình không sanh hờn giận và sân nhuế ngầm. Hai là phải phát sanh vô sanh pháp nhẫn.

Nếu gặp đủ thứ lời ác mạ nhục, hoặc bị các loại dao gậy làm hại, Đại Bồ-tát này nên suy xét kỹ: ai có thể mạ nhục, ai có thể làm hại, ai bị mạ nhục, ai bị làm hại, ai phát sanh hờn giận, ai phải chịu đựng. Lại phải suy xét kỹ tánh của tất cả pháp hoàn toàn không, pháp còn bất khả đắc huông là có pháp tánh, pháp tánh còn không huông là có hữu tình. Lúc quán như vậy hoặc người mạ nhục, hoặc người bị mạ nhục, hoặc người làm hại, hoặc người bị làm hại đều không sở hữu, cho đến bị cắt chặt thân thể thành nhiều phần tâm vị ấy cũng an nhẫn, hoàn toàn không có niệm khác. Vị ấy quán sát như thật đối với pháp tánh, lại có thể chứng đắc vô sanh pháp nhẫn.

Vô sanh pháp nhẫn là gì? Nghĩa là làm cho tất cả phiền não không sanh, trí huệ vi diệu thường không gián đoạn, và quán các pháp

hoàn toàn không sanh, vì vậy gọi là vô sanh pháp nhẫn. Đại Bồ-tát này an trụ trong hai loại nhẫn như vậy có thể mau chóng tu tập đầy đủ bổ thí Ba-la-mật-đa, cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; có thể mau chóng tu tập viên mãn bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo; có thể sớm tu tập viên mãn bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; có thể sớm tu viên mãn tám giải thoát cho đến mười biến xứ; có thể sớm tu viên mãn pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; có thể sớm tu viên mãn các địa của Bồ-tát; có thể sớm tu viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; có thể sớm tu viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; có thể sớm tu viên mãn mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; có thể sớm tu viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; có thể sớm tu viên mãn trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng; có thể sớm tu viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ. Sau khi Đại Bồ-tát này đã an trụ vào các Phật pháp như vậy rồi, tất cả thần thông xuất thế của bậc Thánh đế, không đồng hạn với tất cả Thanh văn, Độc giác đều được viên mãn. Sau khi đã an trụ vào thần thông thù thắng như vậy rồi, vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh thường thấy chư Phật hiện tại ở vô số thế giới khắp mười phương đang an ổn trụ trì, giảng nói chánh pháp cho các hữu tình. Cho đến lúc chứng đắc trí nhất thiết trí, cảnh giới chư Phật hiện ra theo niệm đó thường không gián đoạn.

Vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh thường nghe chư Phật mười phương thuyết pháp. Nghe xong, vị ấy thọ trì không để quên mất và giảng nói đầy đủ cho các hữu tình. Với tha tâm trí, vị ấy có thể đo lường tâm và tâm sở pháp của chư Phật Thế Tôn một cách đúng đắn; cũng có thể biết đúng tâm và tâm sở pháp của Bồ-tát, Độc giác và các Thanh văn; cũng có thể biết đúng tâm và tâm sở pháp của các loài hữu tình khác. Tùy theo căn cơ của họ, vị ấy giảng nói chánh pháp giúp họ sanh thẳng giải.

Vị ấy dùng túc trụ trí để biết các loại căn lành khác nhau của các hữu tình đã trồng vào đời trước. Biết rồi vị ấy tìm cách chỉ rõ, khuyến khích, tán thán, vui mừng giúp họ đạt được an lạc lợi ích thù thắng.

Tùy theo căn cơ của hữu tình, vị ấy dùng lậu tận trí an lập họ vào pháp ba thừa, giúp họ được giải thoát sanh lão bệnh tử.

Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, trang nghiêm cõi Phật, thành thực hữu tình, có thể mau đầy đủ trí nhất thiết tướng, chứng đắc quả vị Vô

thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình.

Thế nên, này Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhờ năng lực của tâm vô lậu lìa các tướng nên các Đại Bồ-tát có thể ở trong pháp vô tướng vô tác làm viên mãn Ba-la-mật-đa, cũng có thể làm viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu lìa tướng để tu tinh tấn. Đại Bồ-tát này thành tựu sự dừng mãi, thân tâm tinh tấn nhờ đó có thể nhập vào sơ tĩnh lự và hoàn toàn an trụ trong đó cho đến có thể nhập vào tịnh lự thứ tư và hoàn toàn an trụ trong đó. Dựa vào bốn tĩnh lự vị ấy phát sanh vô lượng loại thần thông biến hiện, cho đến dùng tay sờ vuốt mặt trời mặt trăng, tự tại xoay chuyển không chút khó khăn.

Nhờ thành tựu sự dừng mãi, thân tâm tinh tấn nên trong chốc lát vị ấy có thể dùng sức thần thông bay đến hằng hà sa số thế giới chư Phật ở khắp mười phương, lại dùng đủ loại đồ ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc men và các đồ đặc khác cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen các vị Thế Tôn đang nói chánh pháp. Nhờ vậy quả báo của thiện căn không dứt cho đến khi chứng đắc trí nhất thiết trí. Do thế lực tăng thượng của thiện căn này, sau khi thành Phật vị ấy lại vì vô lượng thế gian, trời, người, A-tu-la... dùng vô lượng đồ ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc men và đồ đặc khác cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen.

Do thế lực tăng thượng của thiện căn này, sau khi nhập Niết-bàn xá-lợi của Phật và các đệ tử vẫn còn được vô lượng trời, người, A-tu-la ở thế gian cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen. Đại Bồ-tát này lại dùng thần lực để đến hằng hà sa số thế giới của chư Phật khắp mười phương, lắng nghe chánh pháp ở các đức Phật. Nghe xong, vị ấy thọ trì cho đến khi đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không quên mất. Đại Bồ-tát này dùng thần lực để đến hằng hà sa số thế giới chư Phật ở mười phương, thành thực hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, siêng năng tu học trí nhất thiết trí, được viên mãn rồi, vị ấy chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chuyển pháp luân vi diệu, độ các hữu tình.

Thế nên, Thiện Hiện! Do thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thành tựu thân tâm tinh tấn, mạnh mẽ nên các Đại Bồ-tát ấy có thể làm cho tinh tấn Ba-la-mật-đa sớm được viên mãn.

Lại nữa Thiện Hiện! Các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thành tựu tâm tinh tấn, dũng mãnh nên sớm có thể viên

mãn các đạo vô lậu của bậc Thánh và các chi đạo khác thuộc về tinh tấn Ba-la-mật-đa. Nhờ đó, vị ấy có thể làm cho các nghiệp bất thiện nơi thân, miệng, ý không phát sanh được. Đối với các pháp, Đại Bồ-tát này không chấp trước thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, hoặc cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi, hoặc dục giới, hoặc sắc giới, hoặc vô sắc giới, hoặc cảnh giới hữu lậu, hoặc cảnh giới vô lậu, hoặc bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo, hoặc pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, hoặc bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc nội Không cho đến vô tính tự tính Không, hoặc chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghi, hoặc Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, hoặc tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa, hoặc Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông, hoặc mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, hoặc trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng, hoặc vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, hoặc tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật. Đại Bồ-tát này cũng không chấp trước đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn, đây là A-la-hán, đây là Độc giác Bồ-đề, đây là Như Lai, cũng không chấp trước các hữu tình này do hạ pháp hiển hiện ra, hữu tình này do trung pháp hiển hiện ra, hữu tình này do thượng pháp hiển hiện ra, hữu tình này do phần trên hiển hiện ra, hữu tình này do phần dưới hiển hiện ra, hữu tình này do Thanh văn thừa hiển hiện ra, hữu tình này do Độc giác thừa hiển hiện ra, hữu tình này do Vô thượng thừa hiển hiện ra. Đối với những pháp và các hữu tình như vậy, Đại Bồ-tát này đều không chấp trước. Vì sao? Vì pháp được chấp trước và các hữu tình đều không tự tánh và không thể nắm giữ.

Nhờ Đại Bồ-tát ấy thành tựu tâm tinh tấn, đồng mãnh nên tuy thường tạo tác các việc lợi ích cho tất cả hữu tình nhưng đối với hữu tình hoàn toàn vô sở đắc, tuy thường viên mãn pháp tu tinh tấn Ba-la-mật-đa nhưng đối với tinh tấn Ba-la-mật-đa hoàn toàn vô sở đắc, tuy thường viên mãn tất cả Phật pháp nhưng đối với Phật pháp hoàn toàn

vô sở đắc, tuy thường trang nghiêm tất cả cõi Phật nhưng đối với cõi Phật hoàn toàn vô sở đắc.

Đại Bồ-tát này thành tựu thân tâm tinh tấn như vậy, tuy có thể xa lìa tất cả ác pháp, lại có thể hộ trì tất cả thiện pháp nhưng không chấp trước. Do không chấp trước nên từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, từ thế giới này đến thế giới khác, vì muốn làm lợi ích cho các loài hữu tình, nếu vị ấy muốn thị hiện các việc thần thông thì đều có thể tự tại thị hiện không bị ngăn ngại, nghĩa là thị hiện các loại mưa hoa vi diệu, rải các loại hương thơm, tạo các loại nhạc, hiện tiếng sấm sét chấn động đại địa, hoặc lại thị hiện các loại bảy báu vi diệu trang nghiêm thế giới, thân phóng ánh sáng chiếu nơi tối tăm, thân phát diệu hương làm cho những vật hôi thối đều trở thành thơm tho, hoặc thị hiện thiết lập lễ cúng tế lớn ở trong đó không làm náo loạn các loài hữu tình, giúp họ đi vào đường Chánh, lìa bỏ việc giết hại sanh mạng cho đến tà kiến, hoặc dùng bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa để giúp đỡ các hữu tình.

Vì muốn lợi ích các hữu tình nên vị ấy xả bỏ của báu hoặc xả bỏ vợ con, hoặc xả bỏ ngôi vua, hoặc xả bỏ các bộ phận trong thân, hoặc xả bỏ thân mạng, tùy theo các hữu tình cần phải dùng phương tiện như vậy mới được lợi ích, vị ấy liền dùng phương tiện như vậy để lợi ích họ.

Thế nên, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhờ năng lực tâm vô lậu lìa tướng, ở trong pháp vô tướng, vô tác các Đại Bồ-tát có thể làm viên mãn tinh tấn Ba-la-mật-đa, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu lìa tướng để tu tịnh lự. Ngoài các định của Phật, đối với các định khác, Đại Bồ-tát này đều có thể viên mãn. Đại Bồ-tát này lìa dục ác bất thiện, có tâm có tứ, ly sanh hỷ lạc nhập vào sơ tịnh lự và hoàn toàn an trụ vào đó, như vậy cho đến dứt vui dứt khổ, vui buồn trước đây lặn mất, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh nhập vào tầng thiền thứ tư và hoàn toàn an trụ vào đó.

Đại Bồ-tát này dùng tâm từ bi duyên từ một phương cho đến tất cả thế gian khắp mười phương và hoàn toàn an trụ trong đó, như vậy cho đến dùng tâm hỷ xả duyên khắp một phương cho đến tất cả thế gian khắp mười phương và hoàn toàn an trụ trong đó. Đại Bồ-tát này vượt các sắc tướng, diệt trừ tướng, không tư duy các loại tướng nhập vào Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ và hoàn toàn an trụ trong đó,

như vậy cho đến vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ và hoàn toàn an trụ trong đó.

Đại Bồ-tát này an trụ vào tịnh lự Ba-la-mật-đa, có thể nhập thuận nghịch đối với tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ và hoàn toàn an trụ trong đó. Đại Bồ-tát này có thể hoàn toàn an trụ vào pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, có thể hoàn toàn an trụ vào vô gián Tam-ma-địa, như điển Tam-ma-địa, Thánh chánh Tam-ma-địa, Kim cang dụ Tam-ma-địa. Đại Bồ-tát này an trụ vào tịnh lự Ba-la-mật-đa, tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần và trí đạo tướng làm cho đều được viên mãn. Dùng trí đạo tướng để hộ trì tất cả Tam-ma-địa rồi tuần tự tu vượt qua Tịnh quán địa cho đến Độc giác địa, chứng nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ-tát. Sau khi đã vào Chánh tánh ly sanh của Bồ-tát, vị ấy tu các địa và thực hành viên mãn Phật địa. Tuy Đại Bồ-tát này tuần tự tu tập vượt qua các địa nhưng khi đang tu không nắm giữ quả đã chứng cho đến khi chưa đạt được trí nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát này an trụ tịnh lự Ba-la-mật-đa từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, để cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, trồng các căn lành nơi các vị Phật, thành thực hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, từ thế giới này đến thế giới khác làm lợi ích hữu tình, thân tâm không mệt mỏi, hoặc dùng bố thí, hoặc dùng tịnh giới, hoặc dùng an nhẫn, hoặc dùng tinh tấn, hoặc dùng tịnh lự, hoặc dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa để giúp đỡ các hữu tình, hoặc dùng giới uẩn, định uẩn, huệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn để giúp đỡ các hữu tình, hoặc dạy hữu tình trụ vào quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc trụ vào địa vị của Đại Bồ-tát, hoặc trụ quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tùy theo thế lực thiện căn và sự tăng trưởng pháp lành của các hữu tình mà vị ấy tạo đủ các phương tiện giúp họ an trụ.

Đại Bồ-tát nào an trụ vào tịnh lự Ba-la-mật-đa, có thể phát sanh tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, có thể chứng đắc bốn vô ngại giải và thần thông dị thực thù thắng. Đại Bồ-tát này thành tựu thần thông dị thực thù thắng quyết định không nhập trở lại thai mẹ bị nhiễm các dục lạc trong cuộc sống.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này khéo thấy khéo biết tất cả pháp tánh đều như huyễn hóa. Tuy biết các hành đều như huyễn hóa nhưng vị ấy nương theo bi nguyện làm lợi ích hữu tình. Tuy nương theo bi nguyện làm lợi ích hữu tình nhưng hữu tình được giúp và việc tạo lập kia đều bất khả đắc. Tuy hữu tình được giúp và việc tạo lập kia đều bất khả

đắc nhưng vị ấy có thể an lập tất cả hữu tình, giúp họ an trụ vào pháp bất khả đắc. Đây là dựa vào thế tục, không dựa vào thắng nghĩa.

Đại Bồ-tát này an trụ vào tịnh lự Ba-la-mật-đa, tu hành tất cả tịnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí cho đến viên mãn quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề mà mình mong cầu, thường không xa lìa việc tu tịnh lự Ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát này thực hành trí đạo tướng, tìm cách làm phát sanh trí nhất thiết tướng, an trụ ở trong đó vĩnh viễn đoạn trừ sự tương tục của tất cả tập khí, có thể tự lợi và lợi tha một cách đúng đắn, có thể tạo ruộng phước điền trong sạch cho tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la... đáng được nhận sự cúng dường cung kính của thế gian.

Thế nên, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, do lìa năng lực của tâm vô lậu, lìa các tướng, ở trong pháp vô tướng vô tác, Đại Bồ-tát này làm viên mãn tịnh lự Ba-la-mật-đa, cũng có thể làm viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng tâm vô lậu lìa tướng để tu Bát-nhã. Đại Bồ-tát này không thấy một pháp nhỏ nào thật có thành tựu, nghĩa là không thấy sắc thật có thành tựu, không thấy thọ, tưởng, hành, thức thật có thành tựu; không thấy sắc sanh, không thấy thọ, tưởng, hành, thức sanh; không thấy sắc diệt, không thấy thọ, tưởng, hành, thức diệt; không thấy sắc là pháp tăng ích, không thấy thọ, tưởng, hành, thức là pháp tăng ích; không thấy sắc là pháp tổn giảm, không thấy thọ, tưởng, hành, thức là pháp tổn giảm; không thấy sắc có tích tụ, không thấy thọ, tưởng, hành, thức có tích tụ; không thấy sắc có ly tán, không thấy thọ, tưởng, hành, thức có ly tán; như vậy, cho đến không thấy tất cả pháp hữu lậu thật có thành tựu; không thấy tất cả pháp vô lậu thật có thành tựu; không thấy tất cả pháp hữu lậu sanh, không thấy tất cả pháp vô lậu sanh; không thấy tất cả pháp hữu lậu diệt, không thấy tất cả pháp vô lậu diệt; không thấy tất cả pháp hữu lậu là pháp tăng ích, không thấy tất cả pháp vô lậu là pháp tăng ích; không thấy tất cả pháp hữu lậu là pháp tổn giảm, không thấy tất cả pháp vô lậu là pháp tổn giảm; không thấy tất cả pháp hữu lậu có tích tụ, không thấy tất cả pháp vô lậu có tích tụ; không thấy tất cả pháp hữu lậu có ly tán, không thấy tất cả pháp vô lậu có ly tán; quán như thật để thấy sắc là hư vọng, không chắc thật, không tự tại, quán như thật để thấy thọ, tưởng, hành, thức là hư vọng, không chắc thật, không tự tại; như vậy, cho đến quán như thật để thấy tất cả pháp hữu lậu là hư vọng, không chắc thật, không tự tại; quán như thật tất cả pháp vô lậu là hư vọng, không chắc



thật, không tự tại. Lúc quán như thật, Đại Bồ-tát này không chấp thủ tự tánh của sắc, không chấp thủ tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức như vậy cho đến không chấp thủ tự tánh của tất cả pháp hữu lậu, không chấp thủ tự tánh của tất cả pháp vô lậu.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, Đại Bồ-tát này tin hiểu sâu sắc đối với tất cả pháp, đều dùng vô tánh để làm tự tánh.

Sau khi đã sanh tin hiểu đối với việc này rồi, vị ấy có thể thực hành nội Không cho đến vô tính tự tính Không. Lúc thực hành như vậy, vị ấy không chấp trước đối với tất cả các pháp, nghĩa là không chấp trước sắc, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; không chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc; không chấp trước sắc xúc cho đến pháp xúc; không chấp trước nhãn giới cho đến ý giới; không chấp trước sắc giới cho đến pháp giới; không chấp trước nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc; không chấp trước các cảm giác do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm giác do ý xúc làm duyên sanh ra; không chấp trước địa giới cho đến thức giới; không chấp trước nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không chấp trước vô minh cho đến lão tử; không chấp trước bồ thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không chấp trước nội Không cho đến vô tính tự tính Không; không chấp trước chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghi; không chấp trước Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không chấp trước bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo; không chấp trước bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; không chấp trước tám giải thoát cho đến mười biến xứ; không chấp trước pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; không chấp trước Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa; không chấp trước Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; không chấp trước tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; không chấp trước năm loại mắt, sáu phép thần thông; không chấp trước mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không chấp trước ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không chấp trước pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không chấp trước trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng; không chấp trước quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không chấp trước tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; không chấp trước quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vô sở hữu, Đại Bồ-tát này có thể viên mãn Bồ-tát đạo, nghĩa là có thể viên mãn sáu Ba-la-mật-đa, cũng có thể viên mãn nội Không cho đến vô tính tự tính Không; cũng có thể viên mãn chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghi; cũng có thể viên mãn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng

có thể viên mãn bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo; cũng có thể viên mãn bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; cũng có thể viên mãn tám giải thoát cho đến mười biến xứ; cũng có thể viên mãn pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; cũng có thể viên mãn các địa của Bồ-tát; cũng có thể viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; cũng có thể viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng có thể viên mãn mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể viên mãn trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng; cũng có thể viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ.

Sau khi đã viên mãn đạo Bồ-đề này rồi, Đại Bồ-tát ấy lại có thể viên mãn đạo Phật xa lìa tối tăm, nghĩa là có thể viên mãn sáu Ba-la-mật-đa và vô lượng vô biên Phật pháp khác.

Đại Bồ-tát này an trụ vào đạo Phật xa lìa tối tăm như vậy, phát sanh thần thông dị thực thù thắng, tùy theo các hữu tình cần dùng bố thí cho đến Bát-nhã để giúp đỡ thì vị ấy liền dùng bố thí cho đến Bát-nhã để giúp đỡ họ, người cần dùng giới uẩn, định uẩn, huệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn để giúp đỡ, vị ấy liền dùng giới uẩn, định uẩn, huệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn để giúp đỡ họ. Người cần giúp an trụ vào quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vị ấy liền tìm cách giúp họ an trụ vào quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Đại Bồ-tát này có thể làm đủ loại thần thông biến hiện, muốn đến hàng hà sa số thế giới thì có thể đến một cách tùy ý, muốn hiện của báu ở trong các thế giới mình đã đi qua thì có thể hiện một cách tùy ý, muốn làm cho hữu tình trong các thế giới mà mình đi qua thọ hưởng các loại của báu thì giúp cho họ đều được đầy đủ tùy theo ý thích. Từ thế giới này đến thế giới khác, Đại Bồ-tát ấy làm lợi ích an lạc vô số hữu tình, thấy những cảnh trang nghiêm tốt đẹp ở các thế giới vị ấy có thể tự hộ trì và trang nghiêm cõi Phật tùy theo ý thích.

Giống như chư thiên ở cõi trời Tha hóa tự tại có các đồ vật xinh đẹp cần thiết hiện ra theo nhu cầu. Cũng vậy, Đại Bồ-tát này tùy ý nhận lấy vô số cõi Phật được trang nghiêm đủ cách. Trong các cõi Phật được tiếp nhận này, các pháp vi diệu, thanh tịnh, lia tạp nhiễm đều có thể hiện ra tùy theo ý muốn. Đại Bồ-tát này do bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa của thân dị thực do các thần

thông vi diệu của thân dị thực, do Bồ-tát đạo của thân dị thực nên thực hành trí đạo tướng. Do trí đạo tướng được thành thực nên vị ấy lại có thể chứng đắc trí nhất thiết tướng. Do chứng đắc trí này nên vị ấy không giữ lấy tất cả các pháp, nghĩa là không giữ lấy sắc, cũng không giữ lấy thọ, tưởng, hành, thức, như vậy cho đến cũng không giữ lấy hoặc thiện pháp, hoặc pháp bất thiện, hoặc pháp hữu ký, hoặc pháp vô ký, hoặc pháp thế gian, hoặc pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu lậu, hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi, cũng không giữ lấy sự chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng không giữ lấy tất cả các vật được thọ dụng ở cõi Phật. Hữu tình ở trong cõi Phật đó cũng không giữ lấy tất cả các pháp. Vì sao? Vì trước đây Đại Bồ-tát này không giữ lấy tất cả các pháp, vô sở đắc đối với tất cả pháp, vì các hữu tình giảng nói một cách đúng đắn về sự không nắm bắt của tất cả các pháp tánh.

Như vậy, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nhờ năng lực vô lậu lìa các tướng, ở trong pháp vô tướng vô tác, các Đại Bồ-tát có thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng có thể viên mãn các công đức khác.